

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp khí y tế theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán mua sắm: Cung cấp khí y tế năm 2025-2026
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước .10 giờ, ngày .19../6../2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, Hầm 2 khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Người liên hệ: Chị Thúy Số điện thoại: 028.39526601
10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ**



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số/BVĐHYD-QTTN ngày tháng năm 2025)

I) Phạm vi cung cấp

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Oxy khí loại lớn 6m ³ /bình	bình	1.824
2	Oxy khí loại nhỏ 2m ³ /bình	bình	488
3	Oxy khí loại nhỏ 0,5 m ³ /bình	bình	22.399
4	Nitơ khí loại 6m ³ /bình	bình	144
5	CO ₂ loại 25 kg/bình	bình	611
6	CO ₂ loại 8 kg/bình	bình	187
7	Argon loại 6m ³ /bình	bình	8
8	Argon loại 1m ³ /bình	bình	3
9	Khí Heli 698cc	bình	18
10	Khí NO 1.000ppm	bình	30
11	Oxy lỏng	kg	593.676
12	Air loại 6m ³ /bình	bình	40

II) Yêu cầu kỹ thuật

1. Giới thiệu hệ thống

Hệ thống khí Oxy:

- Bồn oxy lỏng số 1 có dung tích 9.343 lít và áp suất bồn thiết kế là 18 bars, bộ hóa hơi 140 m³/h, bộ điều áp 250 m³/h
- Bồn oxy lỏng số 2 có dung tích 10.540 lít và áp suất bồn thiết kế là 18 bars, bộ hóa hơi 140 m³/h, bộ điều áp 250 m³/h
- Giàn bình dự phòng (2 nhánh mỗi nhánh 10 bình, loại 6m³/bình)

(Đính kèm bản vẽ giàn bình oxy tại hầm 2 và bồn oxy lỏng tại tầng trệt)

Hệ thống khí CO₂:

- Giàn bình gồm 2 nhánh mỗi nhánh 4 bình, loại 6m³/bình

Hệ thống khí Nitơ được cung cấp bởi

- Giàn bình gồm 2 nhánh mỗi nhánh 6 bình, loại 6m³/bình

Các loại bình khí khác được sử dụng trong chuyển bệnh và điều trị

2. Thông số kỹ thuật:

Hàng hóa cung cấp là khí y tế phải đáp ứng các yêu cầu chất lượng khí theo các quy định hiện hành và có các thông số, tiêu chuẩn như sau:

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
1	Oxy khí loại lớn 6m ³ /bình	Hàm lượng khí Oxy theo trọng lượng	≥ 99.6%
		Tiêu chuẩn sản xuất khí oxy	- TCVN 1068-2009 - ISO 9001
		Loại bình có thể tích	≥ 40 lít
		Áp suất khí trong bình	≥ 150 kg/cm ²
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 60 bình
2	Oxy khí loại nhỏ 2m ³ /bình	Hàm lượng khí Oxy theo trọng lượng	≥ 99.6%
		Tiêu chuẩn sản xuất khí oxy	- TCVN 1068 – 2009 - ISO 9001
		Loại bình có thể tích	≥ 13.3 lít
		Áp suất khí trong bình	≥ 150 kg/cm ²
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 30 bình
3	Oxy khí loại nhỏ 0,5 m ³ /bình	Hàm lượng khí Oxy theo trọng lượng	≥ 99.6%
		Tiêu chuẩn sản xuất khí oxy	- TCVN 1068 – 2009 - ISO 9001
		Loại bình có thể tích	≥ 3.3 lít
		Áp suất khí trong bình	≥ 150 kg/cm ²
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 230 bình
4	Nitơ khí loại 6m ³ /bình	Hàm lượng khí Nitơ theo trọng lượng	≥ 99.99%
		Tiêu chuẩn sản xuất khí Nitơ	- TCVN 3286-79 - ISO 9001
		Loại bình có thể tích	≥ 40 lít
		Áp suất khí trong bình	≥ 150 kg/cm ²
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 30 bình
5	CO ₂ loại 25 kg/bình	Hàm lượng khí CO ₂ theo trọng lượng	≥ 99.5%
		Tiêu chuẩn sản xuất khí CO ₂	- Theo Tiêu chuẩn cơ sở - Hàm lượng tạp chất: không lớn hơn 0.1% tính theo thể tích

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
		Loại bình có thể tích	≥ 40 lít
		Áp suất khí trong bình	$\geq 120 \text{ kg/cm}^2$
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 24 bình
6	CO ₂ loại 8 kg/bình	Hàm lượng khí CO ₂ theo trọng lượng	$\geq 99.5\%$
		Tiêu chuẩn sản xuất khí CO ₂	- Theo Tiêu chuẩn cơ sở - Hàm lượng tạp chất: không lớn hơn 0.1% tính theo thể tích
		Loại bình có thể tích	≥ 13.3 lít
		Áp suất khí trong bình	$\geq 120 \text{ kg/cm}^2$
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 12 bình
7	Argon loại 6m ³ /bình	Hàm lượng khí Argon theo trọng lượng	$\geq 99.99\%$
		Tiêu chuẩn sản xuất khí Argon	- Theo Tiêu chuẩn cơ sở - Hàm lượng tạp chất oxy+nitơ: không lớn hơn 10ppm tính theo thể tích
		Loại bình có thể tích	≥ 40 lít
		Áp suất khí trong bình	$\geq 150 \text{ kg/cm}^2$
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 2 bình
8	Argon loại 1m ³ /bình	Hàm lượng khí Argon theo trọng lượng	$\geq 99.99\%$
		Tiêu chuẩn sản xuất khí Argon	- Theo Tiêu chuẩn cơ sở - Hàm lượng tạp chất Oxy+nitơ: không lớn hơn 10ppm tính theo thể tích
		Loại bình có thể tích	≥ 6.6 lít
		Áp suất khí trong bình	$\geq 150 \text{ kg/cm}^2$
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 1 bình
9	Oxy lỏng	Hàm lượng khí Oxy theo trọng lượng	$\geq 99.6\%$
		Tiêu chuẩn sản xuất khí Oxy	- TCVN 1068 – 2009 - ISO 9001 và ISO 13485

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
		Trong thời gian thực hiện hợp đồng nhà thầu cung cấp cho Bệnh viện các thiết bị phục vụ cho nhu cầu sử dụng Oxy lỏng phù hợp với mặt bằng hiện trạng của Bệnh viện mà không tính phí với các thông số như bên dưới	
		Bồn Oxy lỏng: - Số lượng - Năm sản xuất bồn - Dung tích bồn - Áp suất thiết kế - Áp suất làm việc - Chất lượng bồn	2 bồn Từ năm 2000 đến nay $9\text{ m}^3 \leq \text{Dung tích} \leq 12\text{ m}^3$ $\geq 17\text{ bars}$ $\geq 15\text{ bars}$ Cung cấp CO, CQ
		Bộ hóa hơi: - Số lượng - Công suất - Áp suất	2 bộ $\geq 135\text{ m}^3/\text{h}$ $\geq 30\text{ bars}$ Phù hợp để kết nối với bồn Oxy lỏng ở trên
		Bộ điều áp: - Số lượng - Công suất	$\geq 2\text{ bộ}$ $\geq 135\text{ m}^3/\text{h}$ Phù hợp để kết nối với bồn Oxy lỏng ở trên
		Đường ống, van khóa, van an toàn, đồng hồ đo và các phụ kiện liên quan	Phù hợp để kết nối với bồn Oxy lỏng ở trên thành hệ thống hoàn chỉnh
10	Khí NO 1.000ppm	Hàm lượng khí NO theo trọng lượng	1.000 ppm
		Hàm lượng khí Nitrogen theo trọng lượng	$\geq 99.9\%$
		Vật liệu vỏ bình	Nhôm
		Loại bình có thể tích	$\geq 10\text{ lít}$
		Áp suất khí trong bình	$\geq 137\text{ bar}$
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	$\geq 4\text{ bình}$

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	
		Thể tích khí trong bình khi đưa vào sử dụng (là thể tích khí ở điều kiện khí quyển)	≥ 1370 lít
11	Khí Heli 698cc	Hàm lượng khí Heli theo trọng lượng	$\geq 99.9\%$
		Vật liệu vỏ bình	Nhôm
		Loại bình có thể tích	≥ 1.2 lít
		Áp suất khí trong bình	$\geq 150 \text{ kg/cm}^2$
		Số lượng bình đặt tại Bệnh viện	≥ 2 bình
12	Khí Air loại $6\text{m}^3/\text{bình}$	Hàm lượng khí oxy theo trọng lượng	$\geq 20\%$
		Hàm lượng khí Nitơ theo trọng lượng	$\geq 78\%$
		Loại bình có thể tích	≥ 40 lít
		Áp suất	$\geq 150 \text{ kg/cm}^2$

3. Yêu cầu khác

STT	Nội dung	Yêu cầu
1.	1.1 Pháp lý nhà thầu	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đính kèm các tài liệu thể hiện đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với hàng hóa dự thầu của nhà thầu).
	1.2 Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa; bảo hiểm	- Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực của hệ thống chiết nạp bình theo quy định của Nhà nước. - Giấy kiểm định an toàn còn hiệu lực của các bình chứa khí cung cấp cho Bệnh viện trong thời gian thực hiện hợp đồng
2.	Quy trình sang chiết, xử lý sự cố bồn Oxy lỏng	- Quy trình sang chiết từ bồn trên xe sang bồn cố định tại bệnh viện nhà thầu có thể chọn: + Áp dụng phương pháp chênh lệch áp. + Áp dụng phương pháp khác (nhà thầu cung cấp quy trình và chịu mọi chi phí có liên quan đến việc thực hiện quy trình này). - Quy trình xử lý sự cố bồn Oxy lỏng

STT	Nội dung	Yêu cầu
3.	Năng lực dự trữ	- Tổng dung tích bồn dự trữ Oxy lỏng của nhà thầu ≥ 80.000 lít.
4.	Khả năng vận chuyển	- Số lượng xe vận chuyển Oxy lỏng ≥ 02 xe - Số lượng xe tải chuyên dùng để vận chuyển bình Oxy: ≥ 02 xe - Giấy kiểm định các xe trên còn hiệu lực. - Đảm bảo xe có thể giao khí y tế đến Bệnh viện 24/24 giờ (2 xe vận chuyển Oxy lỏng và 2 xe vận chuyển bình khí y tế). - Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ (2 xe vận chuyển Oxy lỏng và 2 xe vận chuyển bình khí y tế).
5.	5.1 Trình bày phương án lắp đặt bồn Oxy lỏng	Phương án lắp đặt bồn Oxy lỏng phù hợp để đảm bảo cung cấp đầy đủ khí y tế cho Bệnh viện được liên tục (Nhà thầu có thể khảo sát tại Bệnh viện).
	5.2 Công việc lắp đặt bồn Oxy lỏng	- Tiếp nhận bàn giao mặt bằng từ Bệnh viện và thực hiện lắp đặt bồn mới theo 2 giai đoạn. + Giai đoạn 1: Nhận bàn giao mặt bằng bồn thứ nhất và tiến hành lắp đặt. Thời gian thực hiện không quá 3 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký để đưa bồn vào hoạt động an toàn + Giai đoạn 2: Nhận bàn giao mặt bằng bồn thứ 2 và tiến hành lắp đặt. Thời gian thực hiện không quá 21 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký để đưa bồn vào hoạt động an toàn - Thực hiện việc kết nối tất cả các thiết bị phụ trợ như bộ hóa hơi, bộ điều áp, van khóa, van an toàn, đường ống... để tạo thành 1 hệ thống hoàn chỉnh có thể đưa bồn Oxy lỏng vào sử dụng. - Cung cấp và lắp đặt 2 bồn chứa Oxy lỏng cho Bệnh viện trong thời gian thực hiện hợp đồng + Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm an toàn trong quá trình lắp đặt + Chịu mọi chi phí liên quan đến lắp đặt bao gồm nhà bao che,... đảm bảo bồn được đặt vào vị trí để vận hành an toàn, đúng kỹ thuật + Chịu mọi chi phí súc rửa bồn, kiểm tra, kiểm

STT	Nội dung	Yêu cầu
		định bao gồm cả chi phí bổ sung Oxy lỏng vào bồn trong quá trình thực hiện công việc này + Nhà thầu phải kiểm tra chất lượng khí trước khi đưa vào sử dụng + Nếu trong quá trình sử dụng bồn thường bị tăng áp mà phải xả bỏ khí để duy trì sự hoạt động thì nhà thầu phải thay thế bồn mới trong vòng 7 ngày, chịu chi phí lượng Oxy bị thất thoát và các chi phí liên quan khác. Trong quá trình thay thế bồn nhà thầu phải đảm bảo an toàn cung cấp khí liên tục cho Bệnh viện + Cung cấp tất cả các giấy kiểm định an toàn cho bồn Oxy lỏng, van an toàn, đồng hồ đo còn hiệu lực + Cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm rủi ro cháy nổ có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng
6.	Khả năng tháo dỡ bồn oxy lỏng khi kết thúc hợp đồng	- Nhà thầu có trách nhiệm tháo dỡ bồn Oxy lỏng và bàn giao lại mặt bằng thi công cho Bệnh viện. - Tháo dỡ bồn Oxy lỏng phải chia làm 2 giai đoạn. + Giai đoạn 1: Thực hiện tháo dỡ bồn thứ nhất. Thời gian tháo dỡ trong vòng 7 ngày trước khi hợp đồng kết thúc. + Giai đoạn 2: Thực hiện tháo dỡ bồn thứ 2. Thời gian tháo dỡ trong vòng 10 ngày đến 15 ngày sau khi hợp đồng kết thúc.
7.	Tính tương thích của hàng hóa	Đầu van bình cung cấp phải phù hợp với hệ thống, thiết bị hiện có của bệnh viện (nếu đầu van chai không phù hợp, nhà thầu phải chịu chi phí thay đổi)
8.	Thiết bị chứa khí và bảo dưỡng thiết bị	- Tần suất bảo dưỡng bồn Oxy lỏng: 03 tháng/lần. - Cung cấp cho Bệnh viện các vỏ bình đã được kiểm định an toàn theo quy định của Nhà nước và có đủ số lượng bình chứa đáp ứng nhu cầu sử dụng của bệnh viện - Thiết bị, vỏ bình nhà thầu cung cấp cho Bệnh viện miễn phí trong thời gian thực hiện hợp đồng
9.	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Kế hoạch đào tạo, hướng dẫn sử dụng bồn Oxy lỏng.

STT	Nội dung	Yêu cầu
10.	Tiến độ giao hàng hóa	- Giao hàng trong vòng 24 giờ khi nhận được yêu cầu của bệnh viện kể cả ngày nghỉ, lễ, tết. - Lượng Oxy lỏng trong một lần nạp bổ sung phải lớn hơn hoặc bằng 4,5 tấn. Trong trường hợp đặc biệt khi có yêu cầu lượng Oxy lỏng này có thể nhỏ hơn 4,5 tấn

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật hàng hóa/ dịch vụ	Mã hàng/ nhãn hiệu	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
1	Oxy khí loại lớn 6m3/bình				bình	1.824		
2	Oxy khí loại nhỏ 2m3/bình				bình	488		
3	Oxy khí loại nhỏ 0,5 m3/bình				bình	22.399		
4	Nitơ khí loại 6m3/bình				bình	144		
5	CO2 loại 25 kg/bình				bình	611		
6	CO2 loại 8 kg/bình				bình	187		
7	Argon loại 6m3/bình				bình	8		
8	Argon loại 1m3/bình				bình	3		
9	Khí Heli 698cc				bình	18		
10	Khí NO 1.000ppm				bình	30		
11	Oxy lỏng				kg	593.676		
12	Air loại 6m3/bình				bình	40		
Tổng cộng								

❖ Yêu cầu: kỹ thuật: Theo phụ lục thư mời chào giá.

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽¹⁾ ngày kể từ ngày báo giá.

¹: khuyến cáo tối thiểu 06 tháng kể từ ngày chào giá.



BM: CVĐT.01(1)

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)